

Bản tin Phân tích kỹ thuật

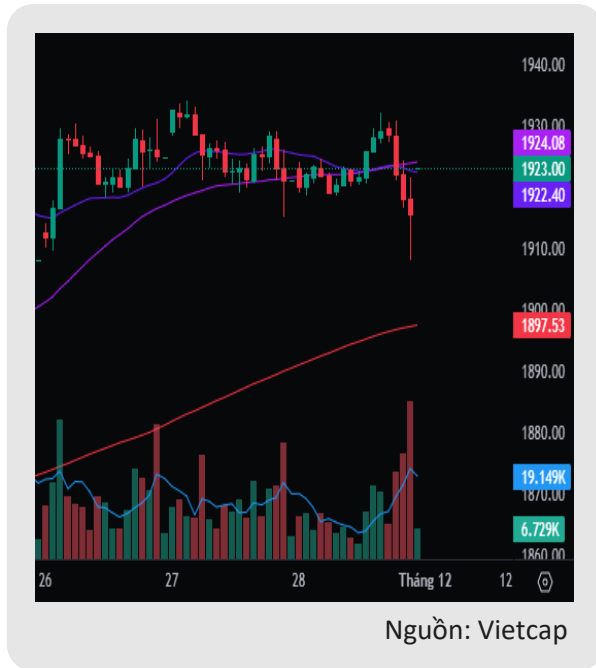
28/11/2025



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- Hoạt động giảm điểm trong ngày trên VN30F2512 bị thu hẹp đáng kể sau khi tiếp cận vùng giá thấp 1.910 điểm. (M15)
- Mua VN30F2512 khi xuất hiện nến đóng cửa trên ngưỡng 1.925 điểm (MA50), mục tiêu là vùng 1.934 điểm và dừng lỗ khi có nến đóng cửa vi phạm ngưỡng 1.922 điểm. (M15)

Chiến lược:

- Mua khi vượt (BS) 1.925 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.934 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.922 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tích cực	Tích cực
VN30	Tích cực	Tích cực
VNMid	Trung tính	Trung tính
VNSmall	Tiêu cực	Trung tính
HNX	Tiêu cực	Trung tính



Nguồn: Vietcap

- VN-Index tăng giá, hoạt động mua tuy thiếu sự dàn trải nhưng không ghi nhận áp lực cung giá cao bất thường trên mọi phân khúc vốn hóa. Trong ngắn hạn, tín hiệu Tích cực duy trì trên VN-Index và VN30-Index. Đáng chú ý, tín hiệu trung hạn trên VN-Index trở về mức Tích cực.
- Mặc dù tăng điểm những diễn biến cung cần ở phiên 27/11 vẫn phân hóa nhất định. Hoạt động mua gia tăng tập trung theo mã (PVD, PVS, CII, VIC,...) và chưa xuất hiện sự dàn trải. Về tín hiệu kỹ thuật, chúng tôi nhận thấy đà điều chỉnh từ giai đoạn trước đã suy yếu trên 68% cổ phiếu Ngân hàng.
- Quán tính tăng giá đã được thiết lập trên VN-Index kèm sự cải thiện tín hiệu trung hạn lên mức Tích cực. Do đó, biên độ tăng của chỉ số trong thời gian tới là vùng 1.700-1.720 điểm. Chúng tôi cho rằng cổ phiếu Ngân hàng sẽ trở lại, dẫn dắt chỉ số tiếp cận các khu vực giá cao. Hỗ trợ ngắn hạn cho tín hiệu tăng hiện tại là vùng 1.680 điểm.

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	260,400	5.00%	13.37%	1,003,325	9.884	2,287	6.9	113.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPL	95,000	6.15%	27.52%	170,364	2.063	1,457	5.4	65.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VNM	64,000	3.23%	6.84%	133,757	0.850	4,160	3.9	15.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VCB	57,400	-0.86%	-2.71%	479,616	-0.816	4,202	2.2	13.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	97,100	-2.41%	-3.67%	165,411	-0.786	5,280	4.6	18.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEE	197,000	-5.29%	14.67%	72,102	-0.751	9,095	9.7	21.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BID	37,100	-1.20%	-1.33%	260,493	-0.615	3,781	1.6	9.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	26,550	-1.30%	-3.10%	203,784	-0.522	1,876	1.6	14.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GVR	27,300	-2.15%	-1.80%	109,200	-0.463	1,569	1.9	17.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
LPB	48,600	-1.42%	0.10%	145,182	-0.406	3,469	3.3	14.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MBB	23,250	-1.06%	0.22%	187,279	-0.393	3,017	1.5	7.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
VHM	102,900	0.39%	3.63%	422,653	0.325	6,133	2.0	16.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSN	77,400	-1.40%	-0.13%	111,914	-0.309	2,196	3.3	35.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
VRE	34,250	1.78%	6.37%	77,827	0.273	2,144	1.7	16.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
STB	48,600	-1.42%	-5.26%	91,621	-0.256	6,519	1.5	7.5	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSV	133,400	-9.99%	-11.07%	26,680	-0.859	9,526	5.8	14.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSF	73,500	-1.08%	-3.29%	66,134	-0.230	4,851	5.6	15.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HUT	16,600	-3.49%	-5.14%	17,734	-0.199	488	1.7	34.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHS	21,000	-1.87%	-2.78%	18,889	-0.114	1,519	1.6	13.8	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	28,500	-1.72%	-2.40%	18,773	-0.104	1,678	2.7	17.0	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
PVS	32,200	1.26%	2.24%	16,468	0.067	2,841	1.2	11.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
IDC	40,300	1.26%	-2.18%	15,294	0.062	4,849	2.3	8.3	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Trung tính
NVB	13,900	-0.71%	-0.71%	26,752	-0.062	-3,802	4.0	-3.7	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
PVI	87,800	0.80%	-2.44%	20,566	0.053	5,156	2.3	17.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
VNR	20,700	2.48%	0.98%	4,153	0.033	2,353	1.0	8.8	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

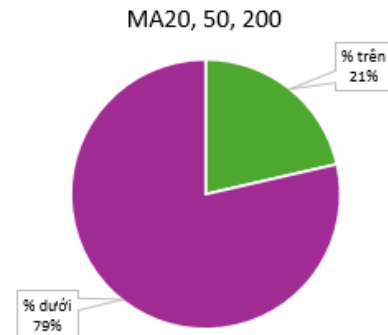
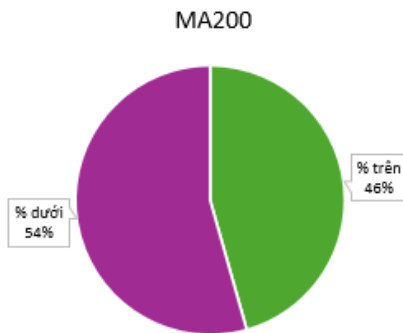
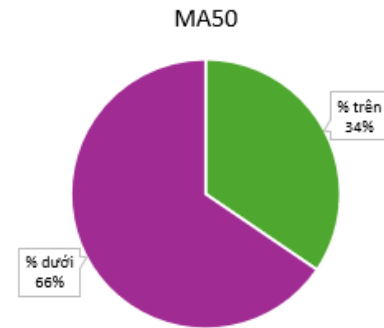
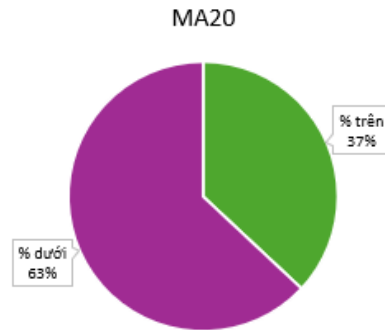
TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
MSR	26,000	8.33%	16.07%	28,137	0.438	-389	2.4	-65.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VGI	72,600	-0.82%	-2.81%	221,769	-0.340	3,046	5.9	23.9	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
ACV	52,700	-0.57%	-2.59%	189,039	-0.200	2,971	2.8	17.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDP	175,000	-8.85%	-8.85%	11,279	-0.187	28	3.7	6,455.8	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VCR	36,500	-8.75%	-8.75%	7,547	-0.123	-134	4.8	-267.6	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
F88	1,177,000	3.88%	7.00%	9,653	0.070	42,501	5.6	27.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SBH	43,900	6.30%	4.52%	5,298	0.062	3,436	3.0	12.4	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MCH	216,100	-0.14%	2.61%	228,499	-0.059	7,722	14.3	28.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
HTM	9,700	-14.16%	-14.91%	2,134	-0.056	-92	1.0	-105.7	Tiêu cực	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
PHS	11,900	-11.85%	-17.93%	2,313	-0.051	367	1.1	31.6	Tiêu cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN													
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3	
VIC	260,400	5.0%	989.5	780.7	39,900	248,000	6.9	113.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
VNM	64,000	3.2%	760.4	284.6	47,972	63,000	3.9	15.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
DCL	38,600	0.3%	31.7	36.8	19,850	38,500	1.9	81.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính	
HID	7,780	0.8%	12.9	6.4	2,500	7,720	0.7	10.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
PLP	7,310	6.9%	10.5	1.3	3,820	6,840	0.6	20.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực	
VNP	21,500	13.8%	15.0	4.0	8,432	19,600	1.5	17.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính	

KLGD ĐỘT BIẾN													
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3	
TTF	3,100	6.9%	8.7	1.5	2,340	3,470	7.1	48.6	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính	
KSV	133,400	-10.0%	51.8	9.7	44,199	296,805	5.8	14.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	
TVN	7,700	-3.8%	8.0	2.0	5,600	9,600	0.6	8.0	Tiêu cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính	
VNP	21,500	13.8%	15.0	4.0	8,432	19,600	1.5	17.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính	
MSR	26,000	8.3%	119.5	37.2	10,400	29,700	2.4	-65.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính	

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			28/11/2025	27/11/2025	26/11/2025	25/11/2025	24/11/2025	21/11/2025	20/11/2025	19/11/2025	18/11/2025	17/11/2025
VNINDEX	MA200	Trên	50%	50%	50%	49%	51%	52%	52%	52%	53%	53%
		Dưới	50%	50%	50%	51%	49%	48%	48%	48%	47%	47%
	MA50	Trên	30%	35%	32%	29%	32%	32%	34%	35%	36%	33%
		Dưới	70%	65%	68%	71%	68%	68%	66%	65%	64%	67%
	MA20	Trên	37%	39%	41%	31%	38%	42%	46%	47%	54%	54%
		Dưới	63%	61%	59%	69%	62%	58%	54%	53%	46%	46%
VN30	MA200	Trên	70%	70%	70%	67%	67%	73%	73%	73%	83%	87%
		Dưới	30%	30%	30%	33%	33%	27%	27%	27%	17%	13%
	MA50	Trên	23%	30%	27%	20%	30%	33%	33%	37%	40%	40%
		Dưới	77%	70%	73%	80%	70%	67%	67%	63%	60%	60%
	MA20	Trên	37%	50%	43%	27%	40%	47%	53%	53%	67%	60%
		Dưới	63%	50%	57%	73%	60%	53%	47%	47%	33%	40%
HNX	MA200	Trên	48%	48%	46%	45%	47%	48%	47%	48%	48%	49%
		Dưới	52%	52%	54%	55%	53%	52%	53%	52%	52%	51%
	MA50	Trên	33%	36%	35%	32%	34%	35%	33%	34%	34%	36%
		Dưới	67%	64%	65%	68%	66%	65%	67%	66%	66%	64%
	MA20	Trên	48%	48%	46%	45%	47%	48%	47%	48%	48%	49%
		Dưới	52%	52%	54%	55%	53%	52%	53%	52%	52%	51%
UPCOM	MA200	Trên	37%	35%	33%	31%	32%	33%	34%	33%	34%	34%
		Dưới	63%	65%	67%	69%	68%	67%	66%	67%	66%	66%
	MA50	Trên	38%	37%	36%	35%	35%	34%	34%	33%	33%	34%
		Dưới	62%	63%	64%	65%	65%	66%	66%	67%	67%	66%
	MA20	Trên	43%	43%	42%	42%	41%	41%	42%	40%	41%	41%
		Dưới	57%	57%	58%	58%	59%	59%	58%	60%	59%	59%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 18		Tháng 11																			
		28 +	27	26	25	24	21	20	19	18	17	14	13	12	11	10	07	06	05	04	03
1	Bán lẻ	71	74	73	67	70	76	77	80	76	65	62	60	56	50	49	44	50	49	53	51
2	Hàng cá nhân & Gia ...	66	63	60	61	64	64	65	66	60	56	52	48	42	39	39	46	48	46	49	52
3	Điện, nước & xăng d...	58	59	58	60	63	67	67	65	61	59	55	51	48	45	47	51	55	51	54	55
4	Du lịch và Giải trí	54	52	50	45	42	43	42	44	40	36	35	35	33	32	34	35	37	36	37	39
5	Hóa chất	53	54	54	54	54	56	57	57	54	49	46	42	38	35	37	45	52	49	49	50
6	Thực phẩm và đồ uố...	53	56	57	57	56	58	58	59	56	55	50	49	47	43	44	47	53	54	54	54
7	Bất động sản	51	52	53	50	51	44	45	46	44	40	36	38	36	34	39	48	51	54	52	55
8	Hàng & Dịch vụ Côn...	50	53	51	44	45	48	42	46	43	41	43	39	37	37	37	41	44	44	45	45
9	Tài nguyên Cơ bản	49	48	46	47	50	51	52	54	49	45	45	43	41	38	42	43	45	48	47	46
10	Dầu khí	48	49	49	46	50	57	61	63	65	65	62	53	51	50	52	61	67	57	52	53
11	Y tế	48	42	41	-	-	-	-	-	-	-	-	-	60	-	-	-	65	66	75	-
12	Viễn thông	47	47	46	51	58	58	59	62	61	57	52	53	49	46	47	54	56	58	63	68
13	Xây dựng và Vật liệu	45	45	43	41	41	42	43	44	43	41	39	37	33	30	31	39	41	40	42	44
14	Bảo hiểm	44	45	46	47	55	60	58	60	57	55	59	65	59	53	54	64	71	72	83	68
15	Công nghệ Thông tin	42	42	40	46	52	55	53	55	64	56	52	52	51	34	38	45	46	48	54	57
16	Ngân hàng	35	34	32	29	29	31	33	35	29	26	26	27	27	25	26	32	37	40	38	38
17	Ô tô và phụ tùng	27	37	36	41	44	43	45	48	46	47	43	41	39	37	37	39	42	41	39	39
18	Dịch vụ tài chính	14	16	16	18	19	18	19	22	19	17	18	20	19	16	16	19	22	25	23	24

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	260,400	5.0%	13.4%	1,003,325	6.9	113.9	2,287	989.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPL	95,000	6.1%	27.5%	170,364	5.4	65.2	1,457	198.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
GAS	63,400	0.6%	2.4%	152,981	2.4	12.7	5,014	78.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
VNM	64,000	3.2%	6.8%	133,757	3.9	15.4	4,160	760.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HDB	32,000	0.0%	2.6%	123,501	1.9	7.8	4,097	394.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GEE	197,000	-5.3%	14.7%	72,102	9.7	21.7	9,095	226.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSB	13,150	0.8%	8.2%	41,028	1.0	7.6	1,729	309.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
POW	15,250	0.0%	2.0%	35,714	1.1	18.8	812	192.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSR	26,000	8.3%	16.1%	28,137	2.4	-65.9	-389	119.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VPI	55,800	-1.8%	1.8%	17,859	3.5	48.6	1,149	235.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
CII	26,750	2.9%	1.7%	16,731	1.9	334.5	80	663.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
F88	1,177,000	3.9%	7.0%	9,653	5.6	27.5	42,501	6.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVT	18,850	1.3%	4.7%	8,858	1.1	9.0	2,090	167.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TLG	55,500	2.6%	5.3%	4,870	1.9	11.5	4,818	27.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
DPR	38,950	-2.0%	1.7%	3,384	1.3	9.7	4,002	32.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
DCL	38,600	0.3%	14.5%	2,819	1.9	81.1	476	31.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
PVP	14,550	1.4%	2.5%	1,509	0.8	8.1	1,806	6.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TTF	3,100	6.9%	8.0%	1,220	7.1	48.6	64	8.7	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DRI	13,000	-1.5%	2.4%	959	1.4	6.2	2,121	7.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
C69	14,100	-5.4%	12.8%	871	1.2	19.7	717	17.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSV	133,400	-10.0%	-11.1%	26,680	5.8	14.0	9,526	51.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCB	57,400	-0.9%	-2.7%	479,616	2.2	13.7	4,202	203.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BID	37,100	-1.2%	-1.3%	260,493	1.6	9.8	3,781	32.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	52,700	-0.6%	-2.6%	189,039	2.8	17.8	2,971	16.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	97,100	-2.4%	-3.7%	165,411	4.6	18.4	5,280	608.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GVR	27,300	-2.2%	-1.8%	109,200	1.9	17.4	1,569	56.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	94,300	-0.7%	-2.6%	35,813	2.3	11.4	8,296	93.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCI	33,750	-0.3%	-1.7%	24,388	1.9	21.2	1,589	205.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDC	52,000	-1.7%	-1.1%	15,070	2.3	185.5	280	17.0	Tiêu cực	-7.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VTP	99,000	-0.8%	-4.8%	12,057	6.9	31.5	3,139	41.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FTS	32,400	-1.1%	-2.4%	11,227	2.6	25.7	1,262	21.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTR	86,400	-1.6%	-4.3%	9,883	4.6	16.9	5,128	21.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BSI	39,650	-1.2%	-2.2%	9,729	1.8	19.9	1,996	15.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CMG	37,400	-0.4%	-1.6%	7,919	2.6	20.4	1,833	7.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HNG	5,700	-3.4%	-1.7%	6,410	4.0	-5.8	-1,005	9.9	Tiêu cực	-7.5	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
NTC	158,200	-1.1%	-1.4%	3,797	3.0	9.7	16,326	5.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CSV	30,450	-0.3%	-2.9%	3,365	2.2	15.0	2,037	7.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSB	18,050	-0.8%	-2.4%	2,066	0.8	15.4	1,172	10.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
CTF	19,550	-1.3%	-2.3%	1,870	1.8	52.6	372	5.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CSM	13,200	-1.5%	-4.3%	1,368	1.0	19.5	677	9.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	16,900	0.00%	-0.29%	25,500	50.9%	178	1.4	94.8	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	35,950	0.70%	0.00%	52,100	45.9%	2,157	1.8	16.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	44,000	-1.79%	-2.33%	64,100	43.1%	3,090	2.2	14.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
DXS	10,000	0.00%	-1.96%	14,100	41.0%	639	0.9	15.6	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
DXG	18,800	0.27%	-1.83%	26,000	38.7%	401	1.5	46.9	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
MBB	23,250	-1.06%	0.22%	32,500	38.3%	3,017	1.5	7.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
DCM	33,900	-0.15%	-0.44%	46,600	37.3%	3,578	1.7	9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	35,000	-1.13%	0.43%	48,500	37.0%	857	2.2	40.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ACB	24,250	-0.41%	-1.82%	33,300	36.8%	3,385	1.4	7.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	40,300	1.26%	-2.18%	54,000	35.7%	4,849	2.3	8.3	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Trung tính
SZC	30,900	-1.44%	-3.13%	42,400	35.2%	1,763	1.8	17.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	14,800	-0.34%	-3.90%	20,000	34.7%	(1,952)	0.8	-7.6	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Trung tính
CTG	49,000	0.31%	-0.20%	65,000	33.1%	6,208	1.6	7.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
TCB	33,750	0.00%	-1.46%	44,800	32.7%	3,112	1.5	10.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	26,550	-1.30%	-3.10%	35,700	32.7%	1,876	1.6	14.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PVS	32,200	1.26%	2.24%	42,100	32.4%	2,841	1.2	11.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VPB	29,250	0.52%	2.45%	38,000	30.6%	2,603	1.5	11.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
SIP	56,600	-0.70%	-1.91%	73,900	29.6%	5,474	2.7	10.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MSN	77,400	-1.40%	-0.13%	101,200	28.9%	2,196	3.3	35.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
ACG	35,700	0.00%	-0.14%	45,800	28.3%	2,973	1.2	12.0	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tích cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Tuan Nhan

**Managing Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 107

tuan.nhan@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn